

Số phiếu: 622/10/2025/KQ-171025/02

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN
2. Đơn vị được quan trắc : CÔNG TY TNHH UNI PRESIDENT VIỆT NAM
3. Địa chỉ lấy mẫu : Số 16-18-20, Đường ĐT 743, KCN Sóng Thần 2, P. Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
4. Ngày lấy mẫu : 17/10/2025
5. Ngày trả kết quả : 25/10/2025
6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu, tọa độ	Loại mẫu
1	171025/02-K1	Khu vực xưởng mì (X: 1205457; Y: 0608152)	Không khí
2	171025/02-K2	Khu vực xưởng bột mì (X: 1205498; Y: 0608214)	Không khí
3	171025/02-K3	Khu vực cổng bảo vệ (cổng chính) cách cổng 7m (X: 1205322; Y: 0608319)	Không khí
4	171025/02-K4	Khu vực xưởng vi sinh (X: 1205595; Y: 0608177)	Không khí
5	171025/02-K5	Khu vực trước kho thành phẩm cám (X: 1205640; Y: 0608252)	Không khí
6	171025/02-K6	Khu vực trước nhà rác (X: 1205440; Y: 0608367)	Không khí

1. Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
2. Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả.
Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
4. Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

Số phiếu: 622/10/2025/KQ-171025/02

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2025

STT	Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu, tọa độ	Loại mẫu
7	171025/02-KT1	Khí thải tại tháp khử mùi máy tạo hạt gia súc #1,#2,#5 (X: 1205560; Y: 0608285)	Khí thải
8	171025/02-KT2	Khí thải tại tháp khử mùi lầu 8 (máy cá 1) (X: 1205573; Y: 0608274)	Khí thải
9	171025/02-KT3	Khí thải tại tháp khử mùi máy nghiền tinh #1,#2,#5 (X: 1205462; Y: 0608384)	Khí thải
10	171025/02-KT4	Khí thải tại tháp khử mùi máy nghiền trộn thủy sản + máy nghiền trộn gia súc + hút bụi nhập liệu+ hút bụi nghiền thô (X: 1205458; Y: 0608373)	Khí thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM



ThS. LÊ ĐỨC HÒA

TUO. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ENVILAB
VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ThS. LƯƠNG THỊ BÍCH PHƯƠNG

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

Số phiếu: 622/10/2025/KQ-171025/02-K

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 171025/02-K3; 171025/02-K5; 171025/02-K6)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ			QCVN 05:2023/ BTNMT, (Trung bình 1 giờ)
				171025/ 02-K3	171025/ 02-K5	171025/ 02-K6	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT(*)	31,2	29,6	32,3	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2022/BTNMT(*)	56,0	73,5	67,9	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT(*)	0,4	0,5	0,6	-
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995(*)	125	116	113	300
5	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009(*)	39	46	55	200
6	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995(*)	< 105	< 105	< 105	350
7	CO	µg/Nm ³	HD40-PT-KHICO(*)	< 12.297	< 12.297	< 12.297	30.000
8	H ₂ S	µg/Nm ³	MASA Method 701(*)	KPH (MDL=13)	KPH (MDL=13)	KPH (MDL=13)	42

Ghi chú:

- (*): Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí;
- Trung bình 1 giờ: Trung bình một giờ là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ;
- 171025/02-K3: Khu vực cổng bảo vệ (cổng chính) cách cổng 7m (X: 1205322; Y: 0608319);
- 171025/02-K5: Khu vực trước kho thành phẩm cám (X: 1205640; Y: 0608252);
- 171025/02-K6: Khu vực trước nhà rác (X: 1205440; Y: 0608367).

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

Số phiếu: 622/10/2025/KQ-171025/02-K

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 171025/02-K1; 171025/02-K2)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 26:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT
				171025/ 02-K1	171025/ 02-K2			
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT(*)	30,0	31,5	18 - 32	-	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2022/BTNMT(*)	71,7	56,7	40 - 80	-	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT(*)	0,2	0,2	0,2 – 1,5	-	-
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995(*)	290	305	-	8.000	-
5	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009(*)	136	128	-	-	10.000
6	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995(*)	152	160	-	-	10.000
7	CO	µg/Nm ³	HD40-PT-KHICO (*)	<12.297	<12.297	-	-	40.000
8	NH ₃	µg/Nm ³	TCVN 5293:1995(*)	< 43,65	< 43,65	-	-	25.000

Ghi chú:

- (*): Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc - Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL);
- 171025/02-K1: Khu vực xưởng mì (X: 1205457; Y: 0608152);
- 171025/02-K2: Khu vực xưởng bột mì (X: 1205498; Y: 0608214).

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ: lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

Số phiếu: 622/10/2025/KQ-171025/02-K

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 171025/02-K4)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 26:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT ^(*)	26,8	18 - 32	-	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2022/BTNMT ^(*)	58,9	40 - 80	-	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT ^(*)	0,2	0,2 – 1,5	-	-
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995 ^(*)	229	-	8.000	-
5	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009 ^(*)	118	-	-	10.000
6	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995 ^(*)	129	-	-	10.000
7	CO	µg/Nm ³	HD40-PT-KHICO ^(*)	<12.297	-	-	40.000
8	NH ₃	µg/Nm ³	TCVN 5293:1995 ^(*)	50	-	-	25.000

Ghi chú:

- (^{*}): Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc - Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL);
- 171025/02-K4: Khu vực xưởng vi sinh (X: 1205595; Y: 0608177).

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

Số phiếu: 622/10/2025/KQ-171025/02-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 171025/02-KT1, 171025/02-KT2)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B
				171025/02-KT1	171025/02-KT2	
1	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5 ^(*)	27,3	31,6	200
2	H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010 ^(*)	KPH (MDL=0,45)	KPH (MDL=0,45)	7,5
3	NH ₃	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020 ^(*)	KPH (MDL=5,60)	KPH (MDL=5,60)	50
4	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2 ^(*)	28.268	28.301	-
5	Nhiệt độ	°C	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	40	37	-
6	SO ₂	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	KPH (MDL=13,1)	KPH (MDL=13,1)	500
7	NO _x	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	KPH (MDL=11,86)	KPH (MDL=11,86)	850
8	CO	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	KPH (MDL=11,4)	KPH (MDL=11,4)	1.000

Ghi chú:

- (*): Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- 171025/02-KT1: Khí thải tại tháp khử mùi máy tạo hạt gia súc #1, #2, #5 (X: 1205560; Y: 0608285);
- 171025/02-KT2: Khí thải tại tháp khử mùi lầu 8 (máy cá 1) (X: 1205573; Y: 0608274).

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ: lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

Số phiếu: 622/10/2025/KQ-171025/02-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 171025/02-KT3, 171025/02-KT4)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B
				171025/02-KT3	171025/02-KT4	
1	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5(*)	22,4	24,3	200
2	H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010(*)	KPH (MDL=0,45)	KPH (MDL=0,45)	7,5
3	NH ₃	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020(*)	KPH (MDL=5,60)	KPH (MDL=5,60)	50
4	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2(*)	25.427	15.509	-
5	Nhiệt độ	°C	HD04-DD-TESTO-KT(*)	37	34	-
6	SO ₂	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT(*)	KPH (MDL=13,1)	KPH (MDL=13,1)	500
7	NO _x	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT(*)	KPH (MDL=11,86)	KPH (MDL=11,86)	850
8	CO	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT(*)	KPH (MDL=11,4)	KPH (MDL=11,4)	1.000

Ghi chú:

- (*): Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- 171025/02-KT3: Khí thải tại tháp khử mùi máy nghiền tinh #1, #2, #5 (X: 1205462; Y: 0608384);
- 171025/02-KT4: Khí thải tại tháp khử mùi máy nghiền trộn thủy sản + máy nghiền trộn gia súc + hút bụi nhập liệu + hút bụi nghiền thô (X: 1205458; Y: 0608373).

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lau mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ: lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

Số phiếu: 623/10/2025/KQ-181025/02

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN
2. Đơn vị được quan trắc : CÔNG TY TNHH UNI PRESIDENT VIỆT NAM
3. Địa chỉ lấy mẫu : Số 16-18-20, Đường ĐT 743, KCN Sóng Thần 2, P. Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
4. Ngày lấy mẫu : 18/10/2025
5. Ngày trả kết quả : 27/10/2025
6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu, tọa độ	Loại mẫu
1	181025/02-K	Khu vực xưởng cám (X: 1205498; Y: 0608299)	Không khí
2	181025/02-KT1	Khí thải tại tháp khử mùi của máy nghiền tinh #3,#4,#6 (X: 1205477; Y: 0608255)	Khí thải
3	181025/02-KT2	Khí thải tại tháp khử mùi lần 8 (máy tạo hạt # 3, # 4, # 8) (X: 1205560; Y: 0608285)	Khí thải
4	181025/02-KT3	Khí thải tại tháp khử mùi lần 4 (máy tạo hạt # 6, # 7) (X: 1205560; Y: 0608285)	Khí thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM



ThS. LÊ ĐỨC HÒA



ThS. LƯƠNG THỊ BÍCH PHƯƠNG

1. Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.
2. Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ: Lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
4. Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

Số phiếu: 623/10/2025/KQ-181025/02-K

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 181025/02-K)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 26:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT(*)	31,2	18 - 32	-	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2022/BTNMT(*)	50,8	40 - 80	-	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT(*)	0,2	0,2 – 1,5	-	-
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995(*)	297	-	8.000	-
5	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009(*)	136	-	-	10.000
6	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995(*)	153	-	-	10.000
7	CO	µg/Nm ³	HD40-PT-KHICO (*)	<12.297	-	-	40.000
8	NH ₃	µg/Nm ³	TCVN 5293:1995(*)	< 43,65	-	-	25.000
9	H ₂ S	µg/Nm ³	MASA Method 701(*)	KPH (MDL=13)	-	-	15.000

Ghi chú:

- (*): Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc - Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL);
- 181025/02-K: Khu vực xưởng cày (X: 1205498; Y: 0608299).

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

Số phiếu: 623/10/2025/KQ-181025/02-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 181025/02-KT1, 181025/02-KT2)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B
				181025/02 -KT1	181025/02 -KT2	
1	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5 ^(*)	20,9	27,4	200
2	H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010 ^(*)	KPH (MDL=0,45)	KPH (MDL=0,45)	7,5
3	NH ₃	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020 ^(*)	KPH (MDL=5,60)	KPH (MDL=5,60)	50
4	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2 ^(*)	27.626	30.731	-
5	Nhiệt độ	°C	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	39	43	-
6	SO ₂	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	KPH (MDL=13,1)	KPH (MDL=13,1)	500
7	NO _x	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	KPH (MDL=11,86)	KPH (MDL=11,86)	850
8	CO	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	KPH (MDL=11,4)	KPH (MDL=11,4)	1.000

Ghi chú:

- (*): Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- 181025/02-KT1: Khí thải tại tháp khử mùi của máy nghiền tinh #3, #4, #6 (X: 1205477; Y: 0608255);
- 181025/02-KT2: Khí thải tại tháp khử mùi lần 8 (máy tạo hạt # 3, # 4, # 8) (X: 1205560; Y: 0608285).

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

Số phiếu: 623/10/2025/KQ-181025/02-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 181025/02-KT3)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B
1	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5 ^(*)	27,6	200
2	H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010 ^(*)	KPH (MDL=0,45)	7,5
3	NH ₃	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020 ^(*)	KPH (MDL=5,60)	50
4	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2 ^(*)	16.742	-
5	Nhiệt độ	°C	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	41	-
6	SO ₂	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	KPH (MDL=13,1)	500
7	NO _x	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	KPH (MDL=11,86)	850
8	CO	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	KPH (MDL=11,4)	1.000

Ghi chú:

- (*): Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- 181025/02-KT3: Khí thải tại tháp khử mùi lần 4 (máy tạo hạt # 6, # 7) (X: 1205560; Y: 0608285).

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ: lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày tra kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

Số phiếu: 922/12/2025/KQ-061225/03

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 12 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN
2. Đơn vị được quan trắc : CÔNG TY TNHH UNI PRESIDENT VIỆT NAM
3. Địa chỉ lấy mẫu : Số 16-18-20, Đường ĐT 743, KCN Sóng Thần 2, P. Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
4. Ngày lấy mẫu : 06/12/2025
5. Ngày trả kết quả : 24/12/2025
6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu, tọa độ	Loại mẫu
1	061225/03-KT1	Khí thải tại tháp khử mùi lần 8 (máy tạo hạt # 3, # 4, # 8) (X: 1205560; Y: 0608285)	Khí thải
2	061225/03-KT2	Khí thải tại tháp khử mùi lần 8 (máy cá 1) (X: 1205573; Y: 0608274)	Khí thải
3	061225/03-KT3	Khí thải tại tháp khử mùi lần 4 (máy tạo hạt # 6, # 7) (X: 1205560; Y: 0608285)	Khí thải
4	061225/03-KT4	Khí thải tại tháp khử mùi lần 4 (máy cá 2) (X: 1205566; Y: 0608280)	Khí thải
5	061225/03-KT5	Khí thải tại tháp khử mùi của máy nghiền tinh #3,#4,#6 (X: 1205477; Y: 0608255)	Khí thải
6	061225/03-KT6	Khí thải tại tháp khử mùi máy tạo hạt gia súc #1,#2,#5 (X: 1205560; Y: 0608285)	Khí thải

1. Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu .
2. Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
4. Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

Số phiếu: 922/12/2025/KQ-061225/03

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 12 năm 2025

STT	Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu, tọa độ	Loại mẫu
7	061225/03-KT7	Khí thải tại tháp khử mùi máy nghiền trộn thủy sản + máy nghiền trộn gia súc + hút bụi nhập liệu+ hút bụi nghiên thô (X: 1205458; Y: 0608373)	Khí thải
8	061225/03-KT8	Khí thải tại tháp khử mùi máy nghiền tinh #1,#2,#5 (X: 1205462; Y: 0608384)	Khí thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM



ThS. LÊ ĐỨC HÒA


TUQ. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
ThS. LUONG THỊ BÍCH PHƯƠNG



- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

Số phiếu: 922/12/2025/KQ-061225/03-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 061225/03-KT1, 061225/03-KT2)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 20:2009/ BTNMT
				061225/03- KT1	061225/03- KT2	
1	CH ₃ SH	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014 ^(**)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	15

Ghi chú:

- (**): Sử dụng kết quả thử phụ của Vimcerts 066;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- 061225/03-KT1: Khí thải tại tháp khử mùi lần 8 (máy tạo hạt # 3, # 4, # 8) (X: 1205560; Y: 0608285);
- 061225/03-KT2: Khí thải tại tháp khử mùi lần 8 (máy cá 1) (X: 1205573; Y: 0608274).

Số phiếu: 922/12/2025/KQ-061225/03-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 061225/03-KT3, 061225/03-KT4)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 20:2009/ BTNMT
				061225/03- KT3	061225/03- KT4	
1	CH ₃ SH	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	15

Ghi chú:

- (**): Sử dụng kết quả thử phụ của Vimcerts 066;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- 061225/03-KT3: Khí thải tại tháp khử mùi lần 4 (máy tạo hạt # 6, # 7) (X: 1205560; Y: 0608285);
- 061225/03-KT4: Khí thải tại tháp khử mùi lần 4 (máy cá 2) (X: 1205566; Y: 0608280).

1. Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.
2. Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
4. Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

Số phiếu: 922/12/2025/KQ-061225/03-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 061225/03-KT5, 061225/03-KT6)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 20:2009/ BTNMT
				061225/03- KT5	061225/03- KT6	
1	CH ₃ SH	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014 ^(**)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	15

Ghi chú:

- (**): Sử dụng kết quả thầu phụ của Vimcerts 066;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- 061225/03-KT5: Khí thải tại tháp khử mùi của máy nghiền tinh #3, #4, #6 (X: 1205477; Y: 0608255);
- 061225/03-KT6: Khí thải tại tháp khử mùi máy tạo hạt gia súc #1, #2, #5 (X: 1205560; Y: 0608285).

1. Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.
2. Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
4. Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

Số phiếu: 922/12/2025/KQ-061225/03-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 061225/03-KT7, 061225/03-KT8)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 20:2009/ BTNMT
				061225/03- KT7	061225/03- KT8	
1	CH ₃ SH	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	15

Ghi chú:

- (**): Sử dụng kết quả thử phụ của Vimcerts 066;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- 061225/03-KT7: Khí thải tại tháp khử mùi máy nghiền trộn thủy sản + máy nghiền trộn gia súc + hút bụi nhập liệu + hút bụi nghiền thô (X: 1205458; Y: 0608373);
- 061225/03-KT8: Khí thải tại tháp khử mùi máy nghiền tinh #1, #2, #5 (X: 1205462; Y: 0608384).

Số phiếu: 953/12/2025/KQ-081225/07

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN
2. Đơn vị được quan trắc : CÔNG TY TNHH UNI PRESIDENT VIỆT NAM
3. Địa chỉ lấy mẫu : Số 16-18-20, Đường ĐT 743, KCN Sóng Thần 2, P. Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
4. Ngày lấy mẫu : 08/12/2025
5. Ngày trả kết quả : 27/12/2025
6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu, tọa độ	Loại mẫu
1	081225/07-K1	Khu vực cổng bảo vệ (cổng chính) cách cổng 7m (X: 1205322; Y: 0608319)	Không khí
2	081225/07-K2	Khu vực trước kho thành phẩm cám (X: 1205640; Y: 0608252)	Không khí
3	081225/07-K3	Khu vực trước nhà rác (X: 1205440; Y: 0608367)	Không khí
4	081225/07-K4	Khu vực xưởng mì (X: 1205457; Y: 0608152)	Không khí
5	081225/07-K5	Khu vực xưởng bột mì (X: 1205498; Y: 0608214)	Không khí
6	081225/07-K6	Khu vực xưởng vi sinh (X: 1205595; Y: 0608177)	Không khí
7	081225/07-K7	Khu vực xưởng cám (X: 1205498; Y: 0608299)	Không khí
8	081225/07-KT1	Khí thải tại tháp khử mùi lầu 8 (máy tạo hạt # 3, # 4, # 8) (X: 1205560; Y: 0608285)	Khí thải
9	081225/07-KT2	Khí thải tại tháp khử mùi lầu 8 (máy cá 1) (X: 1205573; Y: 0608274)	Khí thải
10	081225/07-KT3	Khí thải tại tháp khử mùi lầu 4 (máy tạo hạt # 6, # 7) (X: 1205560; Y: 0608285)	Khí thải

1. Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.
2. Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
4. Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

Số phiếu: 953/12/2025/KQ-081225/07

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2025

STT	Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu, tọa độ	Loại mẫu
11	081225/07-KT4	Khí thải tại tháp khử mùi lần 4 (máy cá 2) (X: 1205566; Y: 0608280)	Khí thải
12	081225/07-KT5	Khí thải tại tháp khử mùi của máy nghiền tinh #3,#4,#6 (X: 1205461; Y: 0608453)	Khí thải
13	081225/07-KT6	Khí thải tại tháp khử mùi máy tạo hạt gia súc #1,#2,#5 (X: 1205510; Y: 0608453)	Khí thải
14	081225/07-KT7	Khí thải tại tháp khử mùi máy nghiền trộn thủy sản + máy nghiền trộn gia súc + hút bụi nhập liệu+ hút bụi nghiền thô (X: 1205458; Y: 0608373)	Khí thải
15	081225/07-KT8	Khí thải tại tháp khử mùi máy nghiền tinh #1,#2,#5 (X: 1205474; Y: 0608440)	Khí thải
16	081225/07-KT9	Khí thải tại ống thoát khí chảo nấu dầu gia vị 1 (X: 1205271; Y: 0608530)	Khí thải
17	081225/07-KT10	Khí thải tại ống thoát khí chảo nấu dầu gia vị 2 (X: 1205270; Y: 0608534)	Khí thải
18	081225/07-KT11	Khí thải tại ống thoát khí chảo chiên mì 1 (X: 1205318; Y: 0608418)	Khí thải
19	081225/07-KT12	Khí thải tại ống thoát khí chảo chiên mì 2 (X: 1205318; Y: 0608426)	Khí thải
20	081225/07-KT13	Khí thải tại ống thoát khí chảo chiên mì 3 (X: 1205461; Y: 0608453)	Khí thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM



ThS. LÊ ĐỨC HÒA

**TU. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



ThS. LƯƠNG THỊ BÍCH PHƯỢNG

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

Số phiếu: 953/12/2025/KQ-081225/07-K

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 081225/07-K1, 081225/07-K2, 081225/07-K3)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ ^(a)	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ			QCVN 05:2023/ BTNMT, (Trung bình 1 giờ)	QCVN 26:2010/ BTNMT
				081225/07 -K1	081225/07 -K2	081225/07 -K3		
1	Ánh sáng	Lux	TCVN 5176:1990 ^(**)	ASTN	ASTN	ASTN	-	-
2	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018 ^(**)	68,8	68,3	64,5	-	70
3	CH ₃ SH	µg/Nm ³	ASTM D2913-20 ^(**)	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	50	-

Ghi chú:

- (**): Sử dụng kết quả thử phụ của Vimcerts 304;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí;
- Trung bình 1 giờ: Trung bình một giờ là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ;
- (a): Đơn vị µg/m³ tương đương đơn vị µg/Nm³, mg/m³ tương đương đơn vị mg/Nm³;
- 081225/07-K1: Khu vực cổng bảo vệ (cổng chính) cách cổng 7m (X: 1205322; Y: 0608319);
- 081225/07-K2: Khu vực trước kho thành phẩm cám (X: 1205640; Y: 0608252);
- 081225/07-K3: Khu vực trước nhà rác (X: 1205440; Y: 0608367).

1. Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.
2. Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
4. Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

Số phiếu: 953/12/2025/KQ-081225/07-K

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 081225/07-K4, 081225/07-K5, 081225/07-K6)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ ^(a)	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ			QCVN 22:2016/ BYT	QCVN 24:2016/ BYT
				081225/07-K4	081225/07-K5	081225/07-K6		
1	Ánh sáng	Lux	TCVN 5176:1990 ^(**)	744	627	578	≥300	-
2	Tiếng ồn	dBA	TCVN 9799:2013 (ISO 9612:2009) ^(**)	82,6	80,2	74,7	-	85

Ghi chú:

- (**): Sử dụng kết quả thầu phụ của Vimcerts 304;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chiếu sáng - mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc;
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp;
- (a): Đơn vị $\mu\text{g}/\text{m}^3$ tương đương đơn vị $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$, mg/m^3 tương đương đơn vị mg/Nm^3 ;
- 081225/07-K4: Khu vực xưởng mì (X: 1205457; Y: 0608152);
- 081225/07-K5: Khu vực xưởng bột mì (X: 1205498; Y: 0608214);
- 081225/07-K6: Khu vực xưởng vi sinh (X: 1205595; Y: 0608177).

1. Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.
2. Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
4. Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

Số phiếu: 953/12/2025/KQ-081225/07-K

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 081225/07-K7)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ ^(a)	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	Quyết định 3733/2002/ QĐ-BYT	QCVN 22:2016/ BYT	QCVN 24:2016/ BYT
1	Ánh sáng	Lux	TCVN 5176:1990 ^(**)	652	-	≥300	-
2	Tiếng ồn	dBA	TCVN 9799:2013 (ISO 9612:2009) ^(**)	81,3	-	-	85
3	CH ₃ SH	mg/m ³	NIOSH Method 2542 ^(**)	KPH (MDL=0,005)	2	-	-

Ghi chú:

- (**): Sử dụng kết quả thầu phụ của Vimcerts 304;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chiếu sáng - mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc;
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp;
- Quyết định 3733/2002/QĐ - BYT: Quyết định của Bộ Y tế về 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động;
- (a): Đơn vị µg/m³ tương đương đơn vị µg/Nm³, mg/m³ tương đương đơn vị mg/Nm³;
- 081225/07-K7: Khu vực xưởng cưa (X: 1205498; Y: 0608299).

1. Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.
2. Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
4. Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

Số phiếu: 953/12/2025/KQ-081225/07-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 081225/07-KT1, 081225/07-KT2, 081225/07-KT3)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ			QCVN 20:2009/ BTNMT
				081225/07 -KT1	081225/07 -KT2	081225/07 -KT3	
1	Anilin	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	19
2	Hydrocacbon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014(**)	0,42	0,51	0,65	-
	Cyclohexan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	1.300
	Cyclohexen	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	1.350
	n-Decan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-
	n-Dodecan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-
	n-Heptan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	2.000
	n-Hexan	mg/Nm ³		0,42	0,51	0,65	450
	Metyl cyclohexan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	2.000
	n-Nonan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-
	n-Octan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-
	n-Pentan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-
	n-Undecan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-

Ghi chú:

- (**): Sử dụng kết quả thử phụ của Vimcerts 304;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- 081225/07-KT1: Khí thải tại tháp khử mùi lần 8 (máy tạo hạt # 3, # 4, # 8) (X: 1205560; Y: 0608285);
- 081225/07-KT2: Khí thải tại tháp khử mùi lần 8 (máy cá 1) (X: 1205573; Y: 0608274);
- 081225/07-KT3: Khí thải tại tháp khử mùi lần 4 (máy tạo hạt # 6, # 7) (X: 1205560; Y: 0608285).

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

Số phiếu: 953/12/2025/KQ-081225/07-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 081225/07-KT4, 081225/07-KT5, 081225/07-KT6)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ			QCVN 20:2009/ BTNMT
				081225/07 -KT4	081225/07 -KT5	081225/07 -KT6	
1	Anilin	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014 ^(**)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	19
2	Hydrocacbon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014 ^(**)	0,10	0,39	0,090	-
	Cyclohexan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	1.300
	Cyclohexen	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	1.350
	n-Decan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-
	n-Dodecan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-
	n-Heptan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	2.000
	n-Hexan	mg/Nm ³		0,10	0,39	0,090	450
	Metyl cyclohexan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	2.000
	n-Nonan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-
	n-Octan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-
	n-Pentan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-
	n-Undecan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-

Ghi chú:

- (**): Sử dụng kết quả thầu phụ của Vimcerts 304;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- 081225/07-KT4: Khí thải tại tháp khử mùi lần 4 (máy cá 2) (X: 1205566; Y: 0608280);
- 081225/07-KT5: Khí thải tại tháp khử mùi của máy nghiền tinh #3,#4,#6 (X: 1205461; Y: 0608453);
- 081225/07-KT6: Khí thải tại tháp khử mùi máy tạo hạt gia súc #1,#2,#5 (X: 1205510; Y: 0608453).

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

Số phiếu: 953/12/2025/KQ-081225/07-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 081225/07-KT7, 081225/07-KT8)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 20:2009/ BTNMT
				081225/07 -KT7	081225/07 -KT8	
1	Anilin	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	19
2	Hydrocacbon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014(**)	0,12	KPH (MDL=0,01)	-
	Cyclohexan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	1.300
	Cyclohexen	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	1.350
	n-Decan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-
	n-Dodecan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-
	n-Heptan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	2.000
	n-Hexan	mg/Nm ³		0,12	KPH (MDL=0,01)	450
	Metyl cyclohexan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	2.000
	n-Nonan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-
	n-Octan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-
	n-Pentan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-
	n-Undecan	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-

Ghi chú:

- (**): Sử dụng kết quả thầu phụ của Vimcerts 304;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- 081225/07-KT7: Khí thải tại tháp khử mùi máy nghiền trộn thủy sản + máy nghiền trộn gia súc + hút bụi nhập liệu + hút bụi nghiền thô (X: 1205458; Y: 0608373);
- 081225/07-KT8: Khí thải tại tháp khử mùi máy nghiền tinh #1, #2, #5 (X: 1205474; Y: 0608440).

1. Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.
2. Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
4. Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

Số phiếu: 953/12/2025/KQ-081225/07-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 081225/07-KT9, 081225/07-KT10, 081225/07-KT11)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ			QCVN 20:2009/ BTNMT
				081225/07 -KT9	081225/07 -KT10	081225/07 -KT11	
1	Acrolein	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014 ^(**)	KPH (MDL=0,007)	KPH (MDL=0,007)	KPH (MDL=0,007)	2,5

Ghi chú:

- (**): Sử dụng kết quả thử phụ của Vimcerts 304;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- 081225/07-KT9: Khí thải tại ống thoát khí chảo nấu dầu gia vị 1 (X: 1205271; Y: 0608530);
- 081225/07-KT10: Khí thải tại ống thoát khí chảo nấu dầu gia vị 2 (X: 1205270; Y: 0608534);
- 081225/07-KT11: Khí thải tại ống thoát khí chảo chiên mì 1 (X: 1205318; Y: 0608418).

1. Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.
2. Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
4. Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

Số phiếu: 953/12/2025/KQ-081225/07-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 081225/07-KT12, 081225/07-KT13)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 20:2009/ BTNMT
				081225/07 -KT12	081225/07 -KT13	
1	Acrolein	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014 ^(**)	KPH (MDL=0,007)	KPH (MDL=0,007)	2,5

Ghi chú:

- (**): Sử dụng kết quả thử phụ của Vimcerts 304;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- 081225/07-KT12: Khí thải tại ống thoát khí chảo chiên mì 2 (X: 1205318; Y: 0608426);
- 081225/07-KT13: Khí thải tại ống thoát khí chảo chiên mì 3 (X: 1205461; Y: 0608453).

1. Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.
2. Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
4. Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

Số phiếu: 875/12/2025/KQ-091225/06

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 12 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN
2. Đơn vị được quan trắc : CÔNG TY TNHH UNI PRESIDENT VIỆT NAM
3. Địa chỉ lấy mẫu : Số 16-18-20, Đường ĐT 743, KCN Sóng Thần 2, P. Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
4. Ngày lấy mẫu : 09/12/2025
5. Ngày trả kết quả : 17/12/2025
6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu, tọa độ	Loại mẫu
1	091225/06-KT	Khí thải tại tháp khử mùi lần 4 (máy cá 2) (X: 1205566; Y: 0608280)	Khí thải

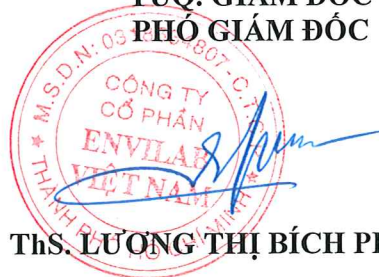
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM



ThS. LÊ ĐỨC HÒA

TUQ. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



ThS. LƯƠNG THỊ BÍCH PHƯỢNG

1. Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.
2. Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
4. Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

Số phiếu: 875/12/2025/KQ-091225/06-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 091225/06-KT)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B
1	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5 ^(*)	29,8	200
2	H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010 ^(*)	KPH (MDL=0,45)	7,5
3	NH ₃	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020 ^(*)	KPH (MDL=5,60)	50
4	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2 ^(*)	42.569	-
5	Nhiệt độ	°C	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	50	-
6	SO ₂	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	KPH (MDL=13,1)	500
7	NO _x	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	KPH (MDL=11,86)	850
8	CO	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	KPH (MDL=11,4)	1.000

Ghi chú:

- (*): Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- 091225/06-KT: Khí thải tại tháp khử mùi lần 4 (máy cá 2) (X: 1205566; Y: 0608280).

1. Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.
2. Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
4. Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

Số phiếu: 870/12/2025/KQ-061225/03

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 12 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN
2. Đơn vị được quan trắc : CÔNG TY TNHH UNI PRESIDENT VIỆT NAM
3. Địa chỉ lấy mẫu : Số 16-18-20, Đường ĐT 743, KCN Sóng Thần 2, P. Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
4. Ngày lấy mẫu : 06/12/2025
5. Ngày trả kết quả : 16/12/2025
6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu, tọa độ	Loại mẫu
1	061225/03-NT	Nước thải đầu ra tại trạm XLNT (X: 1205452; Y: 0608119)	Nước thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM



ThS. LÊ ĐỨC HÒA

TUQ. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



ThS. LƯƠNG THỊ BÍCH PHƯƠNG

1. Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.
2. Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
4. Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

Số phiếu: 870/12/2025/KQ-061225/03-NT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 061225/03-NT)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	TIÊU CHUẨN ĐÁU NỐI KCN SÓNG THẦN 2
1	pH	-	TCVN 6492:2011 ^(*)	6,9	5,5 - 9
2	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023 ^(*)	34,9	40
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000 ^(*)	34	100
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021 ^(*)	7,92	50
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023 ^(*)	26,6	150
6	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023 ^(*)	0,19	10
7	Clo dư (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6225-3:2011 ^(*)	KPH (MDL=0,19)	2
8	Tổng Nito	mg/L	TCVN 6638:2000 ^(*)	9,06	40
9	Tổng Phospho	mg/L	SMEWW 4500-P.B&D:2023 ^(*)	2,23	6
10	Sunfua	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,041)	0,5
11	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520 B&F:2023 ^(*)	< 3,3	10
12	Tổng Coliform	MPN /100mL	SMEWW 9221B:2023 ^(*)	3,3 x 10 ²	5.000

Ghi chú:

- (*): Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- TCĐN KCN SÓNG THẦN 2: Tiêu chuẩn đầu nối Khu công nghiệp Sóng Thần 2
- 061225/03-NT: Nước thải đầu ra tại trạm XLNT (X: 1205452; Y: 0608119).

1. Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.
2. Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
4. Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. An Hội Tây, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2526550

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH UNI PRESIDENT

Địa chỉ: Số 16-18-20, Đường ĐT 743, KCN Sóng Thần 2, P. Dĩ An, Thành Phố Hồ Chí Minh

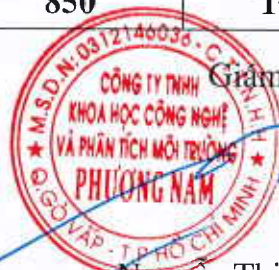
2. Phân loại mẫu : Khí thải tại nguồn3. Ngày lấy mẫu : 04/12/20254. Ngày trả kết quả : 11/12/2025

Chỉ tiêu	Lưu lượng Nm ³ /h	Nhiệt độ °C	Bụi mg/Nm ³	H ₂ S mg/Nm ³
Điểm đo				
E1: Bên trong ống thải sau HTXLKT lò hơi (MHM: 2526747)	28551	79	36	KPH (LOD=0,5)
Phương pháp đo, xác định	US EPA Method 2	HD 92 -ĐO	US EPA Method 5	JIS K 0108:2010
QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B	-	-	200	7,5

Chỉ tiêu	SO ₂ mg/Nm ³	NO _x mg/Nm ³	CO mg/Nm ³
Điểm đo			
E1: Bên trong ống thải sau HTXLKT lò hơi (MHM: 2526747)	414	268	264
Phương pháp đo, xác định	HD NB - 05		
QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B	500	850	1000

KT. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú:

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- Giá trị tiêu chuẩn trên chưa tính đến hệ số K
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ